

Số: 09/2024/QĐST-HNGĐ

D, ngày 11 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 408/2023/TB-TLVA, ngày 15 tháng 12 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thùy T - sinh năm 1994
Địa chỉ: thôn Trung 1, xã Đ, huyện D, tỉnh K.
Bị đơn: Ông Võ K - sinh năm 1992
Địa chỉ: thôn Tây 3, xã S, huyện D, tỉnh K.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 01 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: bà Lê Thùy T, ông Võ K thống nhất tự nguyện thoả thuận thuận tình ly hôn.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:*
Bà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Võ N - sinh ngày 23/12/2016.
Ông K cấp dưỡng con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng, bắt đầu từ tháng 01/2024 cho đến khi con chung trưởng thành (*đủ 18 tuổi*).
Ông K được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết bà T, ông K đều có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.
- *Về tài sản chung và nợ chung:* không có.

- *Về án phí:* bà T, ông K mỗi người phải nộp 75.000 đồng án phí HNGĐ-ST; ông K còn phải nộp 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung (trong đó bà T tự nguyện nộp 75.000 đồng án phí hôn nhân gia đình và 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của ông K), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí HNGĐ-ST là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001075 ngày 15/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình và án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Quy định: Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông K không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nói trên thì hàng tháng ông K còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành, theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện D;
- UBND xã Đ nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Kim Vinh